

KẾT HỢP LÝ THUYẾT LƯỢC ĐỒ VÀ CÔNG NGHỆ TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG HÁN THƯƠNG MẠI

PHAM THÙY DƯƠNG*

Abstract: The teaching of Business Chinese currently faces many limitations, such as a lack of practical connections, limited cultural understanding, and difficulties in learners' ability to express themselves accurately. To address these issues, the study proposes integrating schema theory with modern technologies like artificial intelligence (AI) and virtual/augmented reality (VR/AR). Schema theory helps learners organize and activate knowledge logically, while technology facilitates the simulation of real-world scenarios, enhancing practical skills. Innovative teaching strategies, such as creating situational schemas and utilizing automatic feedback, have proven effective in developing communication skills and logical thinking. Additionally, the use of real-world data and online tools enables learners to gain deeper insights into Chinese business culture. This approach not only improves the quality of learning but also meets practical application demands in international business environments. It represents a promising direction for advancing Business Chinese education in Vietnam during the digital era.

Keywords: *schema theory, business Chinese, technology, teaching*

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và sự phát triển mạnh mẽ của sáng kiến “Vành đai và Con đường” (Belt and Road Initiative), tiếng Hán thương mại đã trở thành một công cụ giao tiếp không thể thiếu trong các hoạt động kinh tế quốc tế. Tiếng Hán không chỉ đóng vai trò là ngôn ngữ giao tiếp mà còn là cầu nối văn hoá, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác kinh doanh giữa các doanh nghiệp Trung Quốc và các quốc gia khác, đặc biệt trong khu vực Đông Nam Á, nơi Việt Nam đang có mối quan hệ kinh tế ngày càng sâu rộng với Trung Quốc. Mặc dù tiếng Hán thương mại đóng vai trò quan trọng như vậy, việc giảng dạy ngôn ngữ này vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với người học ở trình độ trung - cao cấp. Qua thực tiễn giảng dạy và quan sát, chúng tôi nhận thấy người học thường gặp các vấn đề lớn như: khó khăn trong việc hiểu và sử dụng ngữ cảnh phù hợp với bối cảnh thương mại, thiếu kiến thức về văn hoá thương mại Trung Quốc và hạn chế trong khả năng diễn đạt mạch lạc và chính xác. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả học tập mà còn làm giảm khả năng ứng dụng tiếng Hán trong môi trường làm việc thực tế.

Trong thời đại công nghệ 4.0, ứng dụng công nghệ trong giáo dục đã trở thành xu hướng tất yếu nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập. Các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR/AR), và nền tảng học trực tuyến mang lại tiềm năng to lớn trong việc tăng tính tương tác và khả năng cá nhân hoá cho người học. Tuy nhiên, việc khai thác công nghệ trong giảng dạy tiếng Hán thương mại, đặc biệt kết hợp các lý thuyết giáo dục truyền thống, vẫn chưa được triển khai một cách hệ thống và hiệu quả tại Việt Nam. Với mục tiêu nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Hán thương mại, nghiên cứu này tập trung vào việc kết hợp lý thuyết đồ thị (schema theory) với công nghệ hiện đại để xây dựng chương trình giảng dạy phù hợp. Lý thuyết đồ thị sẽ giúp người học tổ chức và kích hoạt kiến thức một cách logic, trong khi các công nghệ hỗ trợ sẽ cung cấp môi trường học tập thực tế và tương tác, giúp người học áp dụng kiến thức vào các tình huống thương mại cụ thể.

* Trường Đại học Thương mại

Nghiên cứu này sẽ không chỉ góp phần giải quyết các vấn đề hiện tại trong giảng dạy tiếng Hán thương mại mà còn mở ra hướng tiếp cận mới trong giáo dục ngôn ngữ chuyên ngành tại Việt Nam. Đồng thời, kết quả nghiên cứu sẽ hỗ trợ nâng cao năng lực ngôn ngữ và giao tiếp của người học Việt Nam trong môi trường kinh doanh quốc tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực chất lượng trong kỉ nguyên toàn cầu hoá.

2. Các vấn đề trong giảng dạy tiếng Hán thương mại

2.1. Hạn chế trong phương pháp giảng dạy truyền thống

Phương pháp giảng dạy tiếng Hán thương mại truyền thống chủ yếu nhấn mạnh vào việc truyền đạt kiến thức ngữ pháp và từ vựng, coi đây là nền tảng chính yếu cho người học. Tuy nhiên, cách tiếp cận này thiếu sự liên kết chặt chẽ với thực tiễn, dẫn đến những hạn chế đáng kể trong việc đáp ứng nhu cầu giao tiếp trong môi trường thương mại. Việc giảng dạy không được xây dựng trên cơ sở bối cảnh thực tế, khiến học viên gặp khó khăn trong việc ứng dụng kiến thức đã học vào các tình huống thương mại cụ thể, chẳng hạn như đàm phán, thương lượng hoặc giải quyết xung đột. Thay vì tập trung phát triển các kĩ năng giao tiếp cần thiết, các chương trình học truyền thống thường tập trung vào lí thuyết ngôn ngữ, tạo nên khoảng cách lớn giữa việc tiếp nhận kiến thức và khả năng thực hành. Bên cạnh đó, việc thiếu rèn luyện kĩ năng giao tiếp thực tế khiến người học không được trang bị đủ để đối mặt với các tình huống đa dạng và linh hoạt trong môi trường thương mại quốc tế. Hạn chế này không chỉ làm giảm hiệu quả học tập mà còn cản trở sự tự tin và năng lực giao tiếp của người học trong các hoạt động kinh doanh thực tiễn.

2.2. Khó khăn của người học

Cùng với những hạn chế từ phương pháp giảng dạy, người học tiếng Hán thương mại cũng đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình tiếp thu và ứng dụng ngôn ngữ, bao gồm các vấn đề liên quan đến ngữ dụng, hiểu biết văn hoá và khả năng diễn đạt chính xác.

2.2.1. Lỗi ngữ dụng

Một trong những thách thức lớn nhất đối với người học là việc sử dụng ngôn ngữ phù hợp với các bối cảnh thương mại. Giao tiếp trong môi trường này không chỉ yêu cầu hiểu biết về từ vựng và ngữ pháp mà còn đòi hỏi sự nhạy bén trong việc nắm bắt các ý nghĩa ngầm và phong cách diễn đạt lịch sự, tế nhị.

Ví dụ, trong giao tiếp thương mại tiếng Hán, các lời từ chối thường được thể hiện một cách gián tiếp để duy trì mối quan hệ đối tác và tránh gây mất lòng. Những cách diễn đạt như “还需要再考虑” (Cần phải suy nghĩ thêm) hay “也许还有商量的余地” (Có lẽ cần phải thương lượng thêm) không chỉ mang ý nghĩa ngôn ngữ mà còn phản ánh giá trị văn hoá của sự khéo léo và hòa nhã. Tuy nhiên, người học thường không nhận diện được những sắc thái này, dẫn đến việc sử dụng ngôn ngữ không phù hợp hoặc gây hiểu lầm trong giao tiếp.

2.2.2. Thiếu hiểu biết về văn hoá thương mại Trung Quốc

Tiếng Hán thương mại không chỉ là một ngôn ngữ giao tiếp mà còn là một kênh truyền tải các giá trị văn hoá đặc trưng của Trung Quốc. Trong đó, các yếu tố như lễ nghi, phong cách ứng xử và các tập quán văn hoá thương mại đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và duy trì quan hệ đối tác. Tuy nhiên, nhiều người học Việt Nam lại thiếu kiến thức hoặc không nhận thức đầy đủ về những giá trị này do sự khác biệt về văn hoá.

Chẳng hạn, tiệc rượu (酒桌文化) là một phần quan trọng trong giao tiếp thương mại tại Trung Quốc, nơi các mối quan hệ cá nhân thường được củng cố qua các buổi gặp gỡ không chính thức. Việc không tham gia hoặc hiểu sai ý nghĩa của các hoạt động này có thể khiến học viên vô tình làm giảm thiện cảm từ phía đối tác. Tương tự, phong cách giao tiếp khiêm nhường và gián tiếp của người Trung Quốc, như việc sử dụng kính ngữ “贵公司” (quý công ti) hay “久仰” (được ngưỡng mộ từ lâu), thường không được người học nắm vững, dẫn đến giao tiếp thiếu chuẩn mực và tinh tế.

2.2.3. Hạn chế trong khả năng diễn đạt chính xác

Trong môi trường thương mại, sự chính xác và rõ ràng trong diễn đạt không chỉ là yêu cầu cơ bản mà còn đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo hiệu quả giao tiếp. Các câu văn trong tiếng Hán thương mại thường có cấu trúc phức tạp, chứa nhiều thành phần định ngữ và trạng ngữ nhằm đảm bảo việc truyền đạt thông tin một cách toàn diện và chính xác. Điều này đòi hỏi người học phải có khả năng tổ chức ý tưởng mạch lạc, sử dụng vốn từ vựng phong phú và vận dụng ngữ pháp thành thạo. Tuy nhiên, nhiều người học gặp phải khó khăn đáng kể trong việc tiếp cận và ứng dụng các cấu trúc này. Trước hết, việc hiểu cấu trúc câu phức tạp là một trở ngại lớn. Chẳng hạn, câu “贵公司产品的报价是否可以调整, 以便我们双方达成更好的合作协议?” (Giá sản phẩm của quý công ti có thể điều chỉnh để đôi bên đạt được thỏa thuận hợp tác tốt hơn không?) không chỉ đòi hỏi kiến thức ngữ pháp vững chắc mà còn cần khả năng phân tích ý nghĩa dựa trên ngữ cảnh và tư duy logic. Thứ hai, khả năng diễn đạt mạch lạc cũng là một thách thức khi người học thiếu vốn từ vựng và kĩ năng kết nối ý tưởng, dẫn đến thông điệp truyền tải không rõ ràng hoặc không chính xác. Điều này không chỉ cản trở quá trình giao tiếp mà còn làm giảm hiệu quả trong đàm phán và các hoạt động thương mại. Sự kết hợp giữa độ phức tạp về ngôn ngữ và yêu cầu cao về tính chính xác đã đặt ra những rào cản lớn, đòi hỏi các phương pháp giảng dạy phải tập trung vào việc rèn luyện kĩ năng tổ chức ý tưởng và áp dụng ngôn ngữ trong thực tế.

3. Lí thuyết lược đồ và công nghệ hỗ trợ

3.1. Lí thuyết lược đồ (schema theory)

Immanuel Kant lần đầu tiên giới thiệu khái niệm “lược đồ” (schema) trong tác phẩm *Phê phán Lí tính Thuần túy* [6]. Trong đó, ông mô tả lược đồ như một cơ chế trung gian giữa giác tính (hiểu biết) và giác quan (cảm nhận), cho phép con người áp dụng các phạm trù thuần túy của tư duy vào các hiện tượng cảm giác. Kant cho rằng lược đồ là những quy tắc hoặc nguyên tắc tiên nghiệm, giúp hình thành và kết nối các khái niệm với trực quan cảm tính, từ đó tạo nên sự hiểu biết về thế giới xung quanh. Tuy nhiên, lí thuyết về lược đồ của Piaget có sự khác biệt cơ bản so với quan điểm của Kant. Piaget cho rằng đồ thị không phải là một sự tồn tại tiên nghiệm mà là một thực thể phát sinh từ kinh nghiệm (a posteriori) [7]. Nó được xây dựng dần trong quá trình phát triển của cá nhân thông qua sự tương tác giữa chủ thể (cá nhân) và khách thể (môi trường). Đồng thời, đồ thị luôn trong trạng thái phát triển và thay đổi, không bị giới hạn về hình thức hay số lượng.

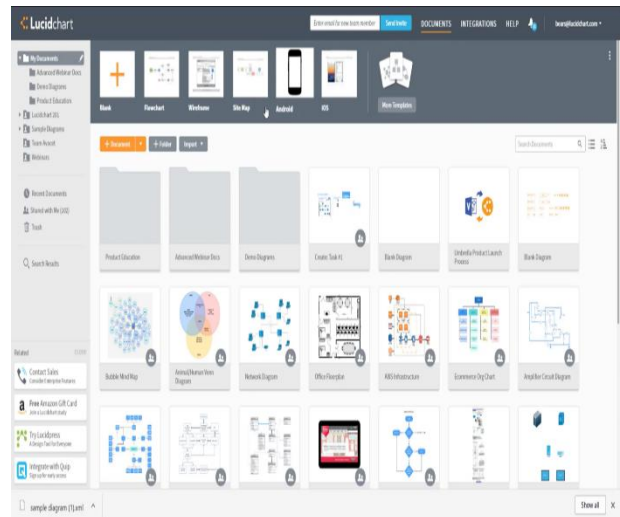
Vào những năm 1970, nhà tâm lí học và nhà nghiên cứu nhận thức người Mỹ David E. Rumelhart đã đóng góp quan trọng trong việc phát triển và hoàn thiện lí thuyết lược đồ (schema). Ông đề xuất rằng lược đồ là những cấu trúc nhận thức giúp con người tổ chức và diễn giải thông tin, đóng vai trò then chốt trong quá trình hiểu biết và ghi nhớ [8]. Trong *Schemata: The Building Blocks of Cognition*, Rumelhart mô tả lược đồ như những khung nhận thức được sử dụng để giải thích dữ liệu cảm giác, truy xuất thông tin từ bộ nhớ, tổ chức hành động và định hướng quá trình xử lí thông tin trong hệ thống nhận thức [8].

Lược đồ đóng vai trò quan trọng trong nhận thức, với nhiều chức năng như xây dựng, tìm kiếm, điều chỉnh, dự đoán, suy luận và chuyển đổi tri thức. Trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, việc xây dựng lược đồ trở thành một cơ chế cốt lõi. Khi người học vận dụng các lược đồ đã có để giải mã và hiểu thông tin mới, não bộ của họ sẽ hình thành các lược đồ mới. Những lược đồ này, dưới những điều kiện nhất định, có thể được kích hoạt để hỗ trợ một chu kỳ nhận thức mới, mở rộng khả năng hiểu biết và ứng dụng của người học. Đặc biệt, đối với việc học tiếng Hán thương mại, quá trình này diễn ra như một chuỗi xây dựng và tái cấu trúc lược đồ liên tục, không ngừng nâng cao năng lực ngôn ngữ và hiểu biết chuyên môn của người học.

3.2. Tích hợp công nghệ trong giảng dạy

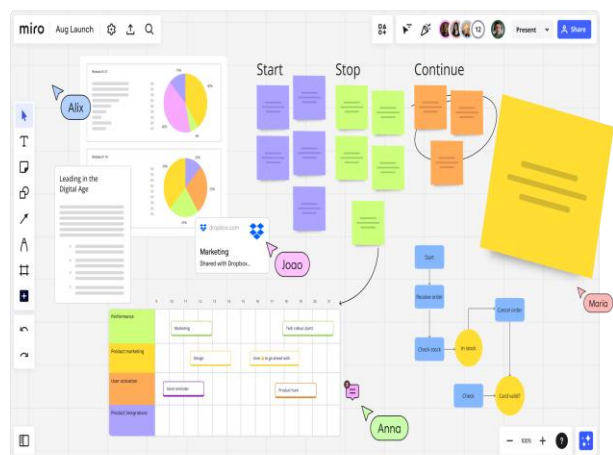
Việc tích hợp công nghệ vào giảng dạy, đặc biệt trong lĩnh vực ngôn ngữ chuyên ngành như tiếng Hán thương mại, mang lại nhiều lợi ích đáng kể trong việc nâng cao hiệu quả học tập và khả năng ứng dụng thực tế của học viên. Lucidchart và Miro là hai phần mềm xây dựng lược đồ tình huống nổi bật, cung cấp nhiều tính năng mạnh mẽ để hỗ trợ việc này.

Lucidchart (Lucidchart.com) là một phần mềm vẽ lược đồ trực tuyến thông minh, được thiết kế để giúp người dùng dễ dàng tạo ra nhiều loại lược đồ khác nhau như lược đồ quy trình, lược đồ tổ chức, lược đồ tư duy, và các biểu đồ kỹ thuật khác. Với giao diện trực quan, Lucidchart cho phép người dùng kéo và thả các hình dạng, kết nối chúng bằng đường kẻ và thêm văn bản một cách dễ dàng. Phần mềm này hỗ trợ cộng tác thời gian thực, cho phép nhiều người cùng nhau làm việc trên một sơ đồ, đồng thời tích hợp với nhiều ứng dụng phổ biến như Google Workspace và Microsoft Office. Lucidchart cung cấp một thư viện mẫu đa dạng, giúp người dùng nhanh chóng tạo ra các sơ đồ chuyên nghiệp.



Hình 1. Minh họa phần mềm Lucidchart

Miro (miro.com) là một nền tảng bảng trắng cộng tác trực tuyến (online whiteboard), được thiết kế để hỗ trợ các nhóm làm việc cùng nhau một cách hiệu quả, bất kể vị trí địa lý. Miro cho phép người dùng tự do sắp xếp ý tưởng, xây dựng sơ đồ, và cộng tác bằng cách sử dụng các công cụ như ghi chú dán, hình dạng, đường kẻ và hình ảnh. Miro hỗ trợ cộng tác trong thời gian thực, cho phép các thành viên trong nhóm cùng nhau chỉnh sửa và xem các thay đổi trực tiếp. Nền tảng này cung cấp nhiều mẫu có sẵn cho các mục đích khác nhau như động não, lập kế hoạch dự án và quản lý quy trình làm việc. Miro cũng tích hợp với nhiều ứng dụng phổ biến khác như Google Drive.



Hình 2. Minh họa phần mềm Miro

Bên cạnh đó, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) mang đến những bước đột phá trong việc tạo ra các tình huống giả lập nhằm hỗ trợ người học thực hành giao tiếp. AI có thể được tích hợp vào các chatbot thông minh hoặc hệ thống thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), giúp tạo ra môi trường học tập ảo gần gũi với thực tế. Trong môi trường này, người học có thể đóng vai trò là đối tác thương mại và thực hành các cuộc đàm phán, thương lượng thông qua tương tác với chatbot AI hoặc các nhân vật ảo. Ví dụ, người học có thể thực hành các mẫu câu đàm phán thương mại với một chatbot AI đóng vai khách hàng Trung Quốc, từ đó cải thiện khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và hiệu quả. Đối với các hệ thống VR/AR, người học còn có cơ hội “đắm mình” vào không gian giao tiếp ảo như phòng họp hay hội thảo quốc tế, nơi họ rèn luyện kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống và hiểu biết về văn hoá thương mại trong một môi trường sinh động và trực quan.

Việc tích hợp công nghệ vào giảng dạy tiếng Hán thương mại thông qua công cụ mô phỏng đồ thị, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng học trực tuyến không chỉ nâng cao khả năng tiếp thu kiến thức mà còn tạo điều kiện để người học áp dụng ngôn ngữ trong các tình huống thực tế. Những công nghệ này biến quá trình học tập từ lí thuyết khô khan thành các trải nghiệm sinh động, trực quan và có tính tương tác cao, góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng giảng dạy.

4. Đặc điểm của tiếng Hán thương mại

Theo lí thuyết phân tầng theo chiều dọc về ngôn ngữ chuyên ngành của Lothar Hoffmann tại Đại học Leipzig (Đức), ngôn ngữ chuyên ngành được phân chia thành các cấp độ trừu tượng khác nhau, từ lí thuyết học thuật đến ứng dụng thực tiễn [5]. Trong hệ thống này, tiếng Hán thương mại được xếp vào cấp độ trừu tượng thấp nhất, tức là ngôn ngữ chuyên ngành chủ yếu áp dụng trong thực hành và có mối liên hệ chặt chẽ với ngôn ngữ thông dụng. Điều này có nghĩa là, so với các ngôn ngữ chuyên ngành ở cấp độ lí thuyết hoặc kĩ thuật cao hơn, tiếng Hán thương mại gần gũi hơn với ngôn ngữ hàng ngày, giúp người học dễ dàng tiếp cận và ứng dụng trong các tình huống giao tiếp thương mại thực tế.

Tiếng Hán thương mại trong phong cách ngôn ngữ và hình thái thể hiện mang đặc trưng trang trọng, nhã nhặn, khiêm tốn và uyển chuyển. Văn hoá Trung Quốc chịu ảnh hưởng sâu sắc từ tư tưởng Nho giáo, và những giá trị văn hoá này thấm nhuần trong tiếng Hán thương mại, làm cho ngôn ngữ này mang phong cách trang trọng, nhã nhặn cùng cách diễn đạt khéo léo và tinh tế. Ví dụ, trong các tình huống thương mại, thường sử dụng các từ ngữ kính trọng và khiêm tốn như: “还望贵司海涵” (mong quý công ty thông cảm), “久仰” (được ngưỡng mộ từ lâu), “承蒙厚爱” (nhận được sự quan tâm), “寒舍” (tê xá - một cách nói khiêm nhường để chỉ nhà của mình), và “鄙人” (kẻ hèn mọn - một cách nói khiêm tốn để chỉ bản thân mình). Tuy nhiên, người học ngôn ngữ thứ hai thường gặp khó khăn trong việc xác định ngữ cảnh và đối tượng sử dụng các từ ngữ kính trọng và khiêm tốn, dẫn đến sự nhầm lẫn hoặc sử dụng không đúng.

Ngoài ra, đối với cách diễn đạt từ chối khéo léo của người Trung Quốc, người học tiếng Hán thương mại cũng thường không hiểu đầy đủ. Chẳng hạn, câu: “如贵司做出让步, 这项交易也许还有婉转的余地, 还望贵司再三考虑” (Nếu quý công ty nhượng bộ, giao dịch này có thể vẫn còn khả năng điều chỉnh, mong quý công ty suy nghĩ thêm) không chứa từ “không”, nhưng lại thể hiện ý từ chối một cách uyển chuyển, phù hợp với phong cách giao tiếp lịch sự của người Trung Quốc. Tiếng Hán thuộc văn hoá ngữ cảnh thấp, theo lí thuyết về văn hoá ngữ cảnh cao và thấp của nhà nhân học người Mỹ Edward Hall. Văn hoá ngữ cảnh thấp không nhấn mạnh đến bối cảnh làm điều kiện tiên quyết trong giao tiếp, mà dựa trên mã hoá thông tin để truyền tải nội dung. Trong giao tiếp, văn hoá ngữ cảnh thấp

chú trọng vào tính logic của ngôn ngữ và ít phụ thuộc vào bối cảnh, khiến cho những người thuộc văn hoá này thường diễn đạt thẳng thắn, trực tiếp và không giới trong việc hiểu ý nghĩa ngầm. Vì vậy, người học cần hiểu rõ đặc điểm ngôn ngữ của tiếng Hán thương mại và học cách nhận biết những ẩn ý trong lời nói.

5. Chiến lược giảng dạy cải tiến

5.1. Tạo lập lược đồ tình huống bằng công nghệ

Việc tạo lập lược đồ tình huống bằng công nghệ nhằm giúp người học chuyên ngành tiếng Trung thương mại hình dung rõ ràng và thực hành các quy trình giao tiếp thương mại một cách hệ thống. Thông qua việc tái hiện quy trình thực tế, học viên có thể phát triển khả năng sử dụng ngôn ngữ thương mại trong từng bước cụ thể và nâng cao tư duy giao tiếp ứng dụng.

Để đảm bảo tính hiệu quả, giảng viên sử dụng các công cụ công nghệ như Lucidchart và Miro để xây dựng các đồ thị tình huống mô phỏng các hoạt động thương mại thường gặp như đặt hàng, đàm phán giá cả và xử lý đơn hàng. Lược đồ tình huống sẽ chia quy trình thành các giai đoạn rõ ràng, bao gồm: mở đầu đàm phán (开场), đưa ra báo giá (提出报价), thảo luận điều kiện (协商条件), nhượng bộ và thỏa hiệp (让步与妥协), và kết thúc đàm phán (达成协议). Ví dụ, trong bài học về “đàm phán giá cả,” mỗi bước sẽ được biểu diễn bằng các hình khối (chữ nhật hoặc tròn) kết nối với nhau bằng mũi tên chỉ dẫn, thể hiện mối quan hệ logic giữa các bước trong quy trình. Người học quan sát và thực hành từng bước, đảm bảo khả năng tiếp thu và ứng dụng ngôn ngữ mang tính hệ thống.

Bên cạnh đó, AI hỗ trợ phản hồi tức thời được tích hợp vào các hoạt động thực hành nhằm nâng cao chất lượng học tập. Ví dụ, khi người học thực hành hội thoại trong tình huống đàm phán giá cả, họ sẽ nhập câu đề nghị vào hệ thống AI, như “贵公司的报价是否可以调整?” (Báo giá của quý công ty có thể điều chỉnh không?). AI sẽ phân tích và phản hồi ngay lập tức về tính chính xác ngữ pháp, ngữ dụng và gợi ý diễn đạt phù hợp hơn, như: “请问价格是否还有商量的余地?” (Xin hỏi giá cả còn khả năng thương lượng không?). Điều này giúp người học nhanh chóng điều chỉnh và nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ thương mại đúng ngữ cảnh.

Ngoài ra, việc tổ chức hoạt động tương tác theo nhóm là phương pháp quan trọng để áp dụng lược đồ tình huống. Giảng viên chia lớp học thành hai nhóm đóng vai người mua và người bán. Các nhóm sẽ thực hành đàm phán dựa trên lược đồ tình huống đã xây dựng. Trong quá trình này, các nhóm còn lại quan sát, ghi nhận và phản hồi về các điểm mạnh, điểm yếu trong cách sử dụng ngôn ngữ và kỹ năng đàm phán của bạn học. Kết quả hoạt động sẽ được tổng kết, đánh giá và điều chỉnh ngay trên lớp, giúp người học nắm vững quy trình và cải thiện khả năng giao tiếp thương mại.

Việc tạo lập lược đồ tình huống kết hợp công nghệ và AI giúp người học tiếp cận quy trình thương mại một cách trực quan và có tính ứng dụng cao. Lược đồ không chỉ cung cấp cho người học khung logic để tổ chức ý tưởng và xây dựng lược đồ ngôn ngữ mà còn hỗ trợ họ phát triển kỹ năng phản xạ ngôn ngữ nhanh chóng thông qua phản hồi tức thời từ công nghệ. Đây là phương pháp giảng dạy tích hợp hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học tập thực tiễn của người học chuyên ngành tiếng Trung thương mại trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay.

5.2. Kích hoạt và củng cố lược đồ nội dung

Quá trình kích hoạt và củng cố lược đồ nội dung nhằm giúp người học phát triển lược đồ nhận thức một cách sâu sắc, đồng thời rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Hán thương mại trong bối cảnh thực

té. Việc này không chỉ giúp người học hiểu rõ hơn về các quy trình thương mại mà còn nâng cao khả năng ngôn ngữ và kiến thức về văn hoá thương mại Trung Quốc.

Để kích hoạt lược đồ nội dung, giảng viên sử dụng dữ liệu thực tế như video về hội thoại thương mại, tài liệu hợp đồng mẫu, thư từ giao dịch và danh mục sản phẩm. Các nội dung này được trình bày trực quan, kết hợp với phần mềm AI phân tích để làm rõ các yếu tố quan trọng như cấu trúc câu, cách sử dụng kính ngữ, biểu đạt khiêm nhường và phong cách giao tiếp đặc thù của tiếng Hán thương mại. Ví dụ, trong bài học về cách viết thư thương mại, người học sẽ được yêu cầu phân tích một bức thư từ giao dịch thực tế. AI sẽ trích xuất và phân tích các cụm từ quan trọng như “贵公司” (quý công ty), “承蒙厚爱” (được quý công ty ưu ái), giúp người học nhận diện cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng và lịch sự trong văn bản thương mại. Bên cạnh việc sử dụng dữ liệu thực tế, bài tập trực tuyến với phản hồi tự động cũng đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố nội dung học tập. Các bài tập được thiết kế trên nền tảng e-learning, bao gồm các hoạt động như đọc hiểu tài liệu, mô phỏng hội thoại thương mại và viết email giao dịch. Ví dụ, người học có thể thực hành viết một email đề nghị thương lượng giá cả. Hệ thống sẽ phân tích nội dung và cung cấp phản hồi tự động, chỉ ra những lỗi ngữ pháp, cách diễn đạt chưa phù hợp hoặc gợi ý cách sử dụng câu lịch sự hơn như thay vì viết “价格太高，我们不能接受” (Giá quá cao, chúng tôi không thể chấp nhận), hệ thống sẽ gợi ý “贵公司的报价是否还有调整的空间?” (Liệu báo giá của quý công ty còn khả năng điều chỉnh không?). Ngoài ra, các bài tập trực tuyến này được thiết kế theo hướng tương tác, cho phép người học thực hành trong các bối cảnh thực tế như xử lý đơn hàng, thương lượng hợp đồng, hoặc giải quyết tranh chấp. Phản hồi tự động không chỉ cung cấp đánh giá về độ chính xác của ngôn ngữ mà còn giúp người học cải thiện khả năng xử lý tình huống và ngữ dụng trong giao tiếp.

Việc kích hoạt và củng cố lược đồ nội dung thông qua dữ liệu thực tế và công nghệ tự động phản hồi giúp người học phát triển khả năng phân tích ngôn ngữ trong các bối cảnh thực tiễn. Người học không chỉ nắm bắt được các đặc trưng ngôn ngữ của tiếng Hán thương mại mà còn hiểu sâu hơn về văn hoá giao tiếp và phong cách thương mại Trung Quốc. Đồng thời, quá trình này khuyến khích người học tự học và điều chỉnh lược đồ ngôn ngữ của mình một cách chủ động, góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy và khả năng ứng dụng vào thực tế công việc sau này.

6. Kết luận

Hiệu quả của việc tích hợp lý thuyết đồ thị và công nghệ trong giảng dạy tiếng Hán thương mại đã được chứng minh là mang lại nhiều lợi ích đáng kể. Việc ứng dụng lý thuyết lược đồ không chỉ giúp người học tổ chức và hệ thống hoá kiến thức một cách logic mà còn hỗ trợ họ liên kết những thông tin mới với nền tảng kiến thức sẵn có, từ đó cải thiện rõ rệt khả năng giao tiếp trong các bối cảnh thương mại thực tiễn. Bên cạnh đó, công nghệ hiện đại, như AI và các công cụ trực quan, giúp tăng tính hấp dẫn của bài học và thúc đẩy sự tương tác tích cực từ phía người học. Những ứng dụng này không chỉ làm cho quá trình học tập trở nên sinh động hơn mà còn nâng cao hiệu quả tiếp thu ngôn ngữ, đặc biệt trong việc rèn luyện kỹ năng nghe, nói và xử lý tình huống giao tiếp thương mại.

Với những lợi ích đó, việc triển khai rộng rãi phương pháp này là một hướng đi cần thiết. Trước hết, cần thực hiện các thử nghiệm áp dụng trên nhiều nhóm người học khác nhau, từ người học chính quy chuyên ngành tiếng Trung thương mại đến những người học ngắn hạn hoặc những người làm việc trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Việc thử nghiệm trên các môi trường học tập đa dạng như lớp học

truyền thống, các chương trình đào tạo trực tuyến, và môi trường học tập kết hợp sẽ giúp đánh giá hiệu quả áp dụng lí thuyết lược đồ và công nghệ một cách toàn diện. Đồng thời, kết quả thử nghiệm sẽ cung cấp thông tin giá trị để tối ưu hoá phương pháp giảng dạy, từ đó đảm bảo tính phù hợp với từng đối tượng và bối cảnh học tập.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục phát triển và cải tiến các công cụ hỗ trợ giảng dạy, chẳng hạn như nâng cấp tính năng phản hồi tự động trong các nền tảng học trực tuyến hoặc xây dựng các mô hình mô phỏng thực tế ảo (VR) nhằm tái hiện chân thực hơn các tình huống thương mại. Việc kết hợp sâu hơn giữa công nghệ và lí thuyết lược đồ sẽ tạo ra những trải nghiệm học tập mới mẻ, thúc đẩy khả năng tương tác của người học và nâng cao hiệu quả giảng dạy một cách bền vững.

Tóm lại, tích hợp lí thuyết lược đồ và công nghệ không chỉ là một bước tiến mới trong giảng dạy tiếng Hán thương mại mà còn mở ra những cơ hội lớn để phát triển giáo dục ngôn ngữ chuyên ngành trong thời đại số hoá. Phương pháp này, khi được áp dụng rộng rãi và liên tục cải tiến, sẽ không chỉ nâng cao năng lực giao tiếp ngôn ngữ của người học mà còn đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tiễn trong môi trường thương mại toàn cầu hoá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Phan Mạnh Chung. *Tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) vào quá trình giảng dạy: Cơ hội và thách thức tại các trường đại học Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Việt Nam, (321), tr. 14-15, 2024.
2. Đinh Thị Mỹ Hạnh, Trần Văn Hưng. *Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục: Cơ hội và thách thức đến tương lai của việc dạy và học ở trường đại học*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng, 19(2), tr. 38-45, 2021.
3. Hồ Thị Phương Mai. *Vận dụng lí thuyết lược đồ vào giảng dạy kỹ năng đọc hiểu tiếng Việt cho người nước ngoài tại trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An*. Tạp chí Thiết bị Giáo dục, (289), tr. 76, 2023.
4. Bùi Trọng Tài, Nguyễn Minh Tuấn. *Nghiên cứu ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo trong giáo dục tới hoạt động học tập của sinh viên*. Tạp chí Giáo dục, (10), tr. 6-11, 2024.

Tiếng Anh

5. Hoffmann, L. *Kommunikationsmittel Fachsprache: Eine Einführung*. Gunter Narr Verlag, 1987.
6. Kant, I. (1781/1998). *Critique of Pure Reason* (P. Guyer & A. W. Wood, Trans.). Cambridge University Press. (Original work published 1781).
7. Piaget, J. *The origins of intelligence in children* (M. Cook, Trans.). International Universities Press. (Original work published 1936), 1952.
8. Rumelhart, D. E. *Schemata: The building blocks of cognition*. In R. J. Spiro, B. C. Bruce, & W. F. Brewer (Eds.), *Theoretical issues in reading comprehension* (pp. 33-58). Lawrence Erlbaum Associates, 1980.

Tiếng Trung

9. 刘敏.生成式人工智能在教育中应用的实证研究.数字教育前沿,1(3),223-245,2024.
10. 楼益龄.对外商务汉语的语用认知及其教学策略[J].云南师范大学学报(对外汉语教学与研究版),8(02):43-47,2010.
11. 张黎.交际策略教学法研究—以“商务汉语口语交际”课为例[J].语言教学与研究,(02):9-15, 2011.
12. 朱黎航.商务汉语的特点及其教学[J].暨南大学华文学院学报, (03):55-60, 2003.